

Bản án số: 231/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 09/9/2026

V/v: *Tranh chấp Ly hôn, nuôi con*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1-VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Điệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Út
2. Bà Trần Thị Tuyết Nga

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Cao Thế Hiển - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, tỉnh Vĩnh Long:** không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 09 tháng 9 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 459/2026/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2026, về việc “*Tranh chấp Ly hôn, nuôi con*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 220/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 8 năm 2026 và quyết định hoãn phiên tòa số: 238/2026/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Phạm Thị Diễm P**, sinh ngày 20/12/1986. CCCD số: 086186010986. Địa chỉ: Số B, tổ A, ấp A, xã L, tỉnh Vĩnh Long (có đơn xin vắng mặt)

- **Bị đơn:** Ông **Nguyễn Quốc T**, sinh ngày 01/6/1985. CCCD số: 086085004298. Địa chỉ: Số B, tổ A, ấp A, xã L, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt lần 2)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện cũng như biên bản không tiến hành hoà giải nguyên đơn bà Phạm Thị Diễm P theo trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2007, bà P và ông T có quen biết, tìm hiểu nhau và tiến tới hôn nhân. Bà P và ông T có tổ chức đám cưới vào năm 2007. Bà P và ông T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (nay là Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Vĩnh Long) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 26 vào ngày 12/3/2008.

Sau khi kết hôn vợ chồng cất nhà ra riêng tại địa chỉ số B, tổ A, ấp A, xã L, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến, thường xuyên cãi nhau. Ông Trung tính T1 thay đổi và không còn quan tâm đến gia đình, sống không chung thủy và đã có mối quan hệ khác ở ngoài. Nghiêm trọng hơn giữa bà P và ông T đã xảy ra bạo lực gia đình gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống hôn nhân. Hiện nay bà P và ông T đã ly thân với nhau từ tháng 6/2024 cho đến nay. Bà P nhận thấy không còn tình cảm với ông T, nên bà Phạm Thị Diễm P yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Quốc T.

- Về con chung: Có 2 con chung tên Nguyễn T2, sinh ngày 23/4/2008 và Nguyễn K, sinh năm 25/7/2019.

Đối với con chung Nguyễn T2 đã đủ 18 tuổi, nên bà P không yêu cầu giải quyết.

Đối với con chung Nguyễn K, sau khi ly hôn bà P yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu ông Trung cấp D nuôi con. Tại bản tự khai của cháu Nguyễn K ngày 03/8/2026, cha mẹ ly hôn con muốn ở với mẹ.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phạm Thị Diễm P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Phạm Thị Diễm P có đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 04/8/2026 với lý do bận công việc không thể tham dự phiên tòa được, bà không khiếu nại gì về sau. Trong đơn, bà P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn, không bổ sung hay thay đổi gì thêm.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Quốc T, Tòa án đã tiến hành gửi thông báo thụ lý vụ án, thông báo kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải triệu tập ông T đến Tòa án mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, ông T không đến và không gửi bản khai ý kiến về việc bà P yêu cầu ly hôn với ông T, do bị đơn ông T đã được triệu tập 02 lần không đến, căn cứ Điều 220, 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vắng mặt, vì có đơn xin vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần 2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ông Nguyễn Quốc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ thông báo niên yết công khai theo quy định pháp luật 02 lần đến Tòa án tham dự phiên tòa xét xử, ông T không đến vẫn vắng mặt. Bà Phạm Thị Diễm P có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015. Hội đồng xét xử thống nhất giải quyết vắng mặt đối với bà Phạm Thị Diễm P và ông Nguyễn Quốc T.

[1.2] Bà Phạm Thị Diễm P yêu cầu ly hôn, nuôi con với ông Nguyễn Quốc T đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn, nuôi con được quy định tại khoản 1

Điều 28 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015. Ông Nguyễn Quốc T đăng ký hộ khẩu thường trú tại số B, tổ A, ấp A, xã L, tỉnh Vĩnh Long thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh long, được quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Diễm P có kết hôn với ông Nguyễn Quốc T, sau đó cả hai đi đăng ký kết hôn tại kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (*nay là Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Vĩnh Long*) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 26 ngày 12/3/2008, nên đây là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2] Xét về mâu thuẫn bà P có lời trình bày vợ chồng chung sống bất đồng ý kiến, ông T có người phụ nữ khác bên ngoài, dẫn đến vợ chồng cự cãi nhau, có khi ông T còn đánh bà, đến tháng 6/2024 bà bỏ về nhà cha mẹ ruột sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Tại phiên tòa hôm nay, bà P vắng mặt vì có đơn vắng mặt, ông T vắng mặt không rõ lý do.

Xét hôn nhân giữa bà P và ông T3 đã mâu thuẫn trầm trọng, cả hai không còn sống chung, mỗi người sống một nơi, đã vi phạm nghiêm trọng tình cảm vợ chồng, nên Hội đồng xét xử cho bà Phạm Thị Diễm P được ly hôn với ông Nguyễn Quốc T là có cơ sở chấp nhận được quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.3] Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn T2, sinh ngày 23/4/2008 và Nguyễn K, sinh năm 25/7/2019.

Đối với con chung Nguyễn T2, sinh ngày 23/4/2008 đã trưởng thành (*đủ 18 tuổi*) nên bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với con chung Nguyễn K, sinh ngày 25/7/2019 có bản khai ý kiến với nội dung cha mẹ ly hôn con muốn sống cùng mẹ. Ông T không có bản khai hay yêu cầu gì về việc bà P yêu cầu nuôi con.

Xét con chung Nguyễn K đang sống ổn định với bà P và nguyện vọng của cháu muốn sống cùng mẹ, nên Hội đồng xét xử giao con chung Nguyễn K, sinh ngày 25/7/2019 cho bà P tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

Ông Nguyễn Quốc T có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở ông T thực hiện quyền này được quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân gia đình.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Phạm Thị Diễm P không yêu cầu ông Trung cấp D nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phạm Thị Diễm P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147, 177, 179, khoản 1, 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

Căn cứ Điều 9, 51, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Diễm P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Phạm Thị Diễm P được ly hôn với ông Nguyễn Quốc T.
2. Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn T2, sinh ngày 23/4/2008 và Nguyễn K, sinh năm 25/7/2019.

Con chung Nguyễn T2, sinh ngày 23/4/2008 đã trưởng thành nên bà Phạm Thị Diễm P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Giao con chung Nguyễn K, sinh ngày 25/7/2019 cho bà Phạm Thị Diễm P tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Quốc T có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở anh T thực hiện quyền này. Ông T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà P có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông T

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Phạm Thị Diễm P không yêu cầu ông Nguyễn Quốc Trung cấp D nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị Diễm P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Phạm Thị Diễm P phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0010617 ngày 01/6/2026 của cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, bà Phạm Thị Diễm P đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn Phạm Thị Diễm P và bị đơn ông Nguyễn Quốc T vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được thông báo, niêm yết công khai tại nơi cư trú của người vắng mặt theo quy định pháp luật.

7. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, Điều 36, thời hiệu thi hành án thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự 2025./.

Thành viên Hội đồng xét xử Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

.....Võ Thị Hồng Đ

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 1, tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 1-Vĩnh Long;
- UBND nơi đăng ký kết hôn (*Ủy ban nhân dân xã Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long*);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Hồng Điệp

